

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-ST

Ngày 30/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi
2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/3/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2022/TLST-HS ngày 25/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 25/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2022/HSST-QĐ ngày 10/3/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng A, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Tháp; đăng ký thường trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số 60/2B Đường 67, Tổ 9, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 8/2 Đường 77, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hồng A và anh Nguyễn Huỳnh N cùng làm chung Công ty Chăn nuôi C thuộc ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do tình hình dịch Covid-19 bùng phát nên công ty thực hiện phương án 03 tại chỗ. Vì làm chung và nhiều lần nhìn thấy anh N chuyển tiền, qua ứng dụng Internet Banking của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, nên bị cáo A biết được mật khẩu mở khóa điện thoại và mật khẩu đăng nhập tài khoản ngân hàng của anh N là “9911” và

“6\$8KCH66#”. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/10/2021, bị cáo A thức dậy, thấy anh N vẫn còn ngủ, điện thoại của anh N đang sạc pin để bên cạnh. Lúc này, bị cáo A liền lấy điện thoại của anh N mở khóa và đăng nhập vào tài khoản ngân hàng điện tử của anh N thì thấy tài khoản còn 10.500.000 (mười triệu năm trăm nghìn) đồng. Bị cáo A thực hiện chuyển số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng từ tài khoản 1891000429743 của anh N vào tài khoản 6120215023900 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam của anh Nguyễn Quốc N (em vợ của bị cáo A) với mã OTP là “123760”. Sau khi chuyển tiền thành công, bị cáo A nhắn tin cho anh N là mới chuyển tiền vào tài khoản của anh N và nhờ anh N rút tiền đưa cho vợ của bị cáo A là chị Nguyễn Thị Thanh G. Sau đó, bị cáo A xóa tin nhắn thông báo chuyển tiền của ngân hàng trên điện thoại của anh N rồi để điện thoại vào chỗ cũ.

Ngày 08/10/2021, anh N phát hiện bị mất tiền trong tài khoản nên trình báo sự việc đến Công an huyện Củ Chi. Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Củ Chi triệu tập bị cáo A đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo A đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: Không.

Về dân sự: Bị hại N đã nhận lại 10.000.000 (mười triệu) đồng và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 35/CT-VKS.CC ngày 24/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng A về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố đã đưa ra chứng cứ để buộc tội bị cáo A, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo A phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng A từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập của bị cáo theo quy định.

Đối với anh N và chị G không biết số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi không xử lý là phù hợp.

Bị cáo A khai nhận hành vi như cáo trạng truy tố, không bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì trong lúc dịch bệnh khó khăn, bị cáo không suy nghĩ thấu đáo hành vi của mình nên mới phạm tội, xin cho bị cáo được hưởng mức án như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, để bị cáo có cơ hội tự sửa đổi thành người tốt, cùng vợ chăm sóc hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo A tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Sau nhiều lần để ý điện thoại của anh N, bị cáo A biết được mật khẩu mở khóa điện thoại và mật khẩu đăng nhập vào tài khoản ngân hàng điện tử của anh N nên vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/10/2021, lợi dụng lúc anh N đang ngủ, bị cáo A đã lấy điện thoại di động của anh N, đăng nhập vào tài khoản ngân hàng của anh N để chuyển số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sang tài khoản Ngân hàng của N, sau đó, bị cáo A yêu cầu N rút toàn bộ số tiền này đưa cho G (vợ bị cáo A) nhằm chiếm đoạt số tiền này của anh N.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi sử dụng thông tin về tài khoản của anh N để chiếm đoạt tài sản của anh N bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cho bản thân một cách dễ dàng và nhanh chóng, bị cáo đã thực hiện hành vi đăng nhập trái phép vào tài khoản ngân hàng điện tử của anh N. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm sự an toàn của mạng viễn thông, hoạt động ngân hàng và xâm phạm quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo A đã phạm vào tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo là đúng pháp luật, đúng người, đúng tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử lý bị cáo bằng chế tài hình sự và có mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng trừng trị, răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét đến nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức án phù hợp.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị không lớn, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ tài sản trộm cắp cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo.

[5] Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là lao động chính trong gia đình có hai con nhỏ, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019. Bị cáo phạm tội

ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, việc cách ly bị cáo khỏi xã hội là không cần thiết, chỉ cần giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để bị cáo tự cải tạo trở thành người tốt cho xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Đồng thời, Hội đồng xét xử quyết định khấu trừ 5% (năm phần trăm) thu nhập của bị cáo (theo quy định tại Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng) tương ứng với số tiền là 209.000 (hai trăm linh chín nghìn) đồng để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 290 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[10] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 290, Điều 36, Điều 50, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng A phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng A 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng A cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp bị cáo A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo A phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập là 209.000 (hai trăm linh chín nghìn) đồng. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 (bốn) giờ trong một ngày và không quá 05 (năm) ngày trong 01 (một) tuần.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Hồng A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Đương sự (01);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Bộ phận THA hình sự (05);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Sơn Hà